

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2019/DS-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Ảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Loan

2. Bà Nguyễn Thị Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Phan Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2019/TLST- DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng T - sinh năm 1987; trú tại: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Á - sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1963; cùng trú tại: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Ông Á bà L đều có mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Lê Thị Hồng S - sinh năm 1957; trú tại: Thôn P, xã V, huyện V, Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 08 tháng 4 năm 2019, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T trình bày:

Chị T và vợ chồng ông Nguyễn Văn Á và bà Nguyễn Thị i; trú tại thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa có quan hệ **cháu - cậu, mẹ** (ông Á là con nuôi của bà ngoại).

Ngày 15/8/2017 âm lịch (ngày 04/10/2017 dương lịch); ông Á, bà L hỏi vay mẹ

của chị T là bà Lê Thị Hồng S số tiền 36.000.000đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) để mua thức ăn cho tôm. Số tiền này là tiền của chị T cho mẹ chị T. Khi ông Á, bà L vay không hỏi ý kiến của chị T, sau này mẹ chị T là bà S báo lại thì chị T mới được biết và không ý kiến gì. Khi vay ông Á bà L nhận tiền trực tiếp từ bà S số tiền 36.000.000đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), thỏa thuận trả lãi 1.500.000đồng/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Do là người trong gia đình nên khi vay bà S và ông Á, bà L chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản. Sau này, chị T được biết ông Á, bà L đã trả lãi được 02 tháng với số tiền 2.500.000đồng và trả gốc 6.000.000đồng cho bà S. Nay còn nợ lại 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền gốc.

Ngày 03/9/2017 âm lịch (ngày 22/10/2017 dương lịch), ông Á, bà L gọi điện thoại hỏi vay chị T số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) để mua thức ăn cho tôm. Các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay trả tiền trước 01 tháng ngày chị T sinh con. Do thời gian này chị T đang mang thai 02 tháng, đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ mẹ của chị T là bà Lê Thị Hồng S mang số tiền này giao cho ông Á, bà L; đồng thời ông Á, bà L viết giấy nợ cho chị T. Hợp đồng cho cá nhân mượn tiền ngày 03/9/2017 âm lịch do bà Lai viết tay, ông Á có mặt chứng kiến nhưng không ký tên. Từ khi nhận được tiền đến nay, ông Á, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả lãi, trả gốc khi đến hạn. Chị T đã nhiều lần đến nhà, gọi điện thoại yêu cầu ông Á, bà L trả tiền nhưng ông Á bà L không trả.

- Tại phiên tòa:

+ Chị T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Văn Á và bà Nguyễn Thị L trả số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) do mẹ của chị T là bà Lê Thị Hồng S cho ông Á, bà L vay nên yêu cầu ông Á, bà L chịu trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Hồng S, chị T không yêu cầu về số tiền này nữa.

Hiện nay, ông Á bà L còn nợ chị T tiền gốc là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng).

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Á và bà Nguyễn Thị L trả số tiền gốc 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) làm một lần.

+ Về lãi: Tại phiên tòa, chị T rút yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 25/10/2017 đến khi trả hết nợ với lãi suất 1,66%/tháng, tính đến nay là ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2019 là 76.360.000đồng ($200.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 23\text{tháng} = 76.360.000\text{đồng}$) (Bảy mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

* Tại bản tự khai ngày 25 tháng 6 năm 2019, biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 6 năm 2019, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Á thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông Á, bà L và bà Lê Thị Hồng S là chị em nuôi; chị Lê Thị Hồng T gọi vợ chồng ông Á bà L là cậu.

Ngày 15/8/2017 âm lịch (nhằm ngày 04/10/2017 dương lịch), vợ chồng ông Á bà L hỏi vay bà Lê Thị Hồng S số tiền 36.000.000đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) để mua thức ăn cho tôm. Bà Nguyễn Thị L nhận tiền trực tiếp từ bà S số tiền 36.000.000đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), thỏa thuận trả lãi 05%/tháng tức

1.800.000đồng/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Do là người trong gia đình nên khi vay hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản. Sau đó, vợ chồng ông Á bà L đã trả lãi được 06 tháng x 1.800.000đồng với số tiền 10.800.000đồng, và trả gốc được 6.000.000đồng cho bà S. Nay còn nợ bà S 30.000.000đồng (Ba mươi triệu) tiền gốc.

Ngày 03/9/2017 âm lịch (ngày 22/10/2017 dương lịch), vợ chồng ông Á bà L tiếp tục hỏi vay bà S số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) để mua thức ăn cho tôm. Vì số tiền vay lớn nên bà S không có tiền, bà S bảo vợ chồng ông Á bà L hỏi vay của chị Lê Thị Hồng T (con bà S); chị T đồng ý cho vợ chồng ông Á bà L vay số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng). Các bên thỏa thuận lãi suất 04%/tháng (8.000.000đồng/tháng), không thỏa thuận thời hạn vay. Do thời gian này chị T đang mang thai và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ bà Lê Thị Hồng S mang số tiền này giao trực tiếp cho vợ chồng ông Á bà L và yêu cầu vợ chồng ông Á bà L viết giấy nợ cho chị T. Hợp đồng cho cá nhân mượn tiền ngày 03/9/2017 âm lịch do vợ ông Á bà L viết tay, ông Á có mặt chứng kiến nhưng không ký tên. Sau khi vay tiền thì ông Á bà L làm ăn thất bại, thiệt hại toàn bộ tài sản do cơn bão số 12 năm 2017 (bão Damray) nên không có khả năng trả tiền gốc hay lãi theo thỏa thuận trên.

Hiện nay, ông Á bà L còn nợ của chị T số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng). Vợ chồng ông Á bà L đồng ý trả số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) cho chị Lê Thị Hồng T.

Tại phiên tòa, vợ chồng ông Á bà L xin trả nhiều lần, mỗi tháng trả cho chị T 4.000.000đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ và xin không trả lãi.

Đối với số tiền 30.000.000đồng do vợ chồng ông Á bà L vay của bà Lê Thị Hồng S, vợ chồng ông Á bà L đồng ý trả 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) cho bà S.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, bị đơn ông Á bà L có đơn xin miễn, giảm án phí, do hậu quả cơn bão số 12 năm 2017, tài sản thiệt hại nặng nề, hoàn cảnh rất khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương.

* Tại bản tự khai ngày 29 tháng 5 năm 2019, biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 5 năm 2019, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, người làm chứng bà Lê Thị Hồng S trình bày:

Bà S và vợ chồng ông Nguyễn Văn Á và bà Nguyễn Thị L; trú tại thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa có quan hệ chị - em (ông Á là con nuôi của mẹ bà S).

Ngày 15/8/2017 âm lịch (ngày 04/10/2017 dương lịch), ông Á, bà L hỏi vay bà S là số tiền 36.000.000đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) để mua thức ăn cho tôm. Số tiền này là tiền của chị Lê Thị Hồng T cho bà S. Bà S đưa trực tiếp số tiền 36.000.000đồng cho ông Á bà L tại nhà ông Á bà L; thỏa thuận trả lãi 1.500.000đồng/tháng, tức 4,16%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Do là người trong gia đình nên khi vay bà S và ông Á bà L chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản. Sau này, ông Á, bà L đã trả cho bà S được tiền lãi 02 tháng với số tiền 2.500.000đồng và trả gốc 6.000.000đồng. Nay còn nợ 30.000.000đồng (Ba mươi triệu) tiền gốc.

Ngày 03/9/2017 âm lịch (ngày 22/10/2017 dương lịch), ông Á, bà L gọi điện thoại hỏi vay bà S số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) để mua thức ăn cho tôm, vì số tiền lớn nên bà S nói ông Á bà L hỏi vay con bà **S là chị** Lê Thị Hồng T. Do thời gian này con chị T đang mang thai 02 tháng, đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh nên chị T nhờ bà S mang số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) về giao cho ông Á, bà L; đồng thời ông Á, bà L viết giấy nợ cho chị T. Hợp đồng cho cá nhân mượn tiền ngày 03/9/2017 âm lịch do bà L viết tay, ông Á có mặt chứng kiến nhưng không ký tên vì nể mặt anh em trong nhà.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu với số tiền là 30.000.000 đồng và rút yêu cầu trả lãi đối với bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 2 Điều 42 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh đã tách vụ án thành hai vụ án theo Quyết định tách vụ án số 01/2019/ QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019. Chị Lê Thị Hồng T yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Á bà Nguyễn Thị L có địa chỉ tại Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa trả nợ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T, lời khai của bị đơn ông Nguyễn Văn Á, bà Nguyễn Thị L và lời khai của người làm chứng bà Lê Thị Hồng S, cùng với Hợp đồng cho cá nhân mượn tiền ngày 03/9/2017 (âm lịch) do bà L viết và ký tên, cũng như số tiền hiện tại mà vợ chồng ông Á bà L còn nợ của chị T đã được hai bên khai nhận thống nhất, phù hợp với nhau. Nên có đủ căn cứ để kết luận: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Á bà Nguyễn Thị L nợ của chị Lê Thị Hồng T số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) là có thật.

Việc vợ chồng ông Á bà L không thanh toán nợ đúng hạn cho chị T đã vi phạm các quy định về hợp đồng dân sự vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Gây khó khăn cho chị T trong việc thu hồi vốn, gây thiệt thòi quyền lợi cho chị T. Việc chị T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Á bà L trả đủ cho chị T số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) mà vợ chồng ông Á bà L còn nợ là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận yêu cầu này

của chị T, buộc vợ chồng ông Á bà L trả cho chị T số tiền gốc 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng).

Việc vợ chồng ông Á bà L đồng ý trả số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) cho chị T, nhưng yêu cầu được trả làm nhiều lần không được chị T đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Á bà L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T rút một phần yêu cầu trả nợ với số tiền là 30.000.000 đồng và tiền lãi 76.360.000đồng đối với bị đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Á, bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là $200.000.000\text{đồng} \times 5\% = 10.000.000\text{ đồng}$.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, bị đơn ông Á bà L có đơn xin miễn, giảm án phí, do hậu quả cơn bão số 12 năm 2017, tài sản thiệt hại nặng nề, hoàn cảnh rất khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, nên giảm 50% mức án phí cho ông Á bà L với số tiền $10.000.000\text{đồng} \times 50\% = 5.000.000\text{đồng}$. Vậy, ông Á bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 42; Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 13; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn Á và bà Nguyễn Thị L phải trả cho chị Lê Thị Hồng T số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng).

Quy định: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả nợ 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi 76.360.000đồng (Bảy mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) của nguyên đơn với bị đơn.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Á và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Chị Lê Thị Hồng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị T số tiền 7.227.000đồng (Bảy triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006707 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh.

4. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Ảnh